

Số: 33 /2021/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trách nhiệm về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội tại Tờ trình số 213/TTr-SXD ngày 15/9/2021 về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội; Thông báo số 825/TB-UBND ngày 07/12/2021 của UBND Thành phố về việc Kết luận của UBND Thành phố về việc ban hành “Quy định trách nhiệm về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội”, văn bản số 10803/SXD-GĐXD ngày 24/12/2021 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các phường, xã, thị trấn; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3; ✓
- Các Bộ: Xây dựng, Tư pháp, Công Thương, GTVT, NN&PTNT, Công an;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy HN;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND TP HN;
- VPUBTP: CVP/các PCVP, các Phòng thuộc VP UBND TP;
- Trung tâm tin học-Công báo;
- Công thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, XDGT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH ✓



Dương Đức Tuấn



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số: 33 /2021/QĐ-UBND ngày 31 /12 /2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG, THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC SỞ, NGÀNH

Điều 3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng trước khi chủ đầu tư đưa công trình vào sử dụng, bao gồm các công trình được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

2. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và khoản 5 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 12 của Quy định này. Kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác



nghiệm thu công trình xây dựng ra văn bản Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

3. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau (theo Phụ lục số I. Phân loại công trình theo công năng sử dụng; phân loại, phân cấp công trình theo khoản 1, 4 Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình. Cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành phối hợp kiểm tra khi được cơ quan chủ trì mời tham gia, có ý kiến bằng văn bản và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

4. Đối với công trình xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại khoản 3 Điều này và chủ đầu tư thực hiện theo nội dung kiểm tra, trình tự kiểm tra, chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình được quy định tại khoản 4, 5, 6 và khoản 8 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội, có trách nhiệm:

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình trên địa bàn.

4. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, chi tiết phân loại công trình theo Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, tại: Mục I; khoản 1, khoản 7 Mục II; Mục III; khoản 1 Mục IV (không bao gồm đường nông thôn).

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại khoản 4 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại khoản 4 Điều này;

c) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục I, khoản II.1 và II.7 Mục II, Mục III, khoản IV.1 Mục IV (đường bộ trong đô thị, trừ đường quốc lộ qua đô thị) Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

6. Tiếp nhận, xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình chuyên ngành do mình quản lý đến chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình theo phân cấp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 25 của Quy định này

7. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 của Quy định này.

8. Giám định xây dựng, giám định sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 21 và điểm a khoản 3 Điều 27 của Quy định này.

9. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 của Quy định này.

10. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ, đột xuất về việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

11. Tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành chủ trì và tham gia Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

12. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 12) và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 4 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: công trình sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp theo quy định tại Mục II Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành

kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội quản lý).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

c) Công trình cấp II, III thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục II Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 4 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: công trình giao thông theo quy định tại Mục IV Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng (trừ công trình đường bộ trong đô thị do Sở Xây dựng quản lý), ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

c) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục IV Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 4 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định tại Mục V Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

c) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục V Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 4 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghiệp và chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội gồm: công trình sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp theo quy định tại Mục II Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình cấp II, III thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục II Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng và cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án PPP

1. Cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án PPP có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án PPP có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 7 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc, Quỹ đầu tư phát triển thành phố)

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo qui định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công, chỉ được quyết toán hợp đồng thi công xây dựng sau khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG, THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Tổ chức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng do mình quản lý được quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

4. Tổ chức rà soát các công trình thuộc đối tượng đánh giá an toàn công trình trên địa bàn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25 của Quyết định này.

5. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Quy định này.

6. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 26 của Quy định này.

7. Giám định xây dựng, giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 21 và điểm b khoản 2 Điều 27 của Quy định này.

8. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 của Quy định này.

9. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 12. Trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại khoản 1 đến khoản 9 Điều 11 Quy định này.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công cấp III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm: công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn theo khoản 3 Mục III Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; kiểm tra quá trình thi công công

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes that this is crucial for ensuring transparency and accountability in the organization's operations.

2. The second part of the document outlines the various methods and tools used to collect and analyze data. It highlights the need for consistent and reliable data collection processes to support effective decision-making.

3. The third part of the document focuses on the role of technology in data management and analysis. It discusses how modern software solutions can streamline data collection, storage, and reporting, thereby improving efficiency and accuracy.

4. The fourth part of the document addresses the challenges associated with data management, such as data quality, security, and privacy. It provides strategies to mitigate these risks and ensure that data is used responsibly and ethically.

5. The fifth part of the document concludes by summarizing the key findings and recommendations. It stresses the importance of ongoing monitoring and evaluation to ensure that data management practices remain effective and aligned with the organization's goals.

Introduction

The purpose of this report is to provide a comprehensive overview of the current state of data management in our organization. It aims to identify key areas for improvement and propose actionable strategies to enhance our data practices.

This report is structured as follows: Section 1 discusses the importance of data management, Section 2 details the data collection and analysis methods, Section 3 explores the role of technology, Section 4 addresses data quality and security challenges, and Section 5 provides a summary and recommendations.

The findings of this report indicate that while we have made significant progress in data management, there are still several areas where we need to focus our efforts. These include improving data quality, enhancing security measures, and leveraging technology more effectively.

Based on the analysis, the following recommendations are proposed: 1) Implement a data quality framework to ensure accuracy and consistency. 2) Strengthen security protocols to protect sensitive information. 3) Invest in advanced data management tools to streamline operations and improve efficiency.

It is essential that these recommendations are implemented promptly to ensure that our data management practices are up-to-date and effective. Regular monitoring and reporting will be required to track progress and make necessary adjustments.

6. The sixth part of the document discusses the importance of data security and privacy. It highlights the need for robust security measures to protect sensitive information from unauthorized access and breaches.

7. The seventh part of the document outlines the role of data in decision-making. It emphasizes that high-quality data is essential for providing accurate insights and supporting strategic decisions.

8. The eighth part of the document discusses the importance of data governance. It highlights the need for clear policies and procedures to ensure that data is managed consistently and responsibly across the organization.

9. The ninth part of the document concludes by summarizing the key findings and recommendations. It stresses the importance of ongoing monitoring and evaluation to ensure that data management practices remain effective and aligned with the organization's goals.

10. The tenth part of the document provides a final summary and emphasizes the need for continued commitment to data management excellence.

Conclusion

In conclusion, effective data management is a critical component of organizational success. By following the recommendations outlined in this report, we can ensure that our data is accurate, secure, and used to its full potential.

The success of our data management efforts will depend on the commitment and collaboration of all employees. We encourage everyone to take ownership of their data and contribute to the overall improvement of our data practices.

Thank you for your attention and support. We will continue to work together to ensure that our data management practices are always at the forefront of our organization's operations.

Best regards,
[Name]

[Title]

11. The eleventh part of the document discusses the importance of data governance. It highlights the need for clear policies and procedures to ensure that data is managed consistently and responsibly across the organization.

12. The twelfth part of the document outlines the role of data in decision-making. It emphasizes that high-quality data is essential for providing accurate insights and supporting strategic decisions.

13. The thirteenth part of the document discusses the importance of data security and privacy. It highlights the need for robust security measures to protect sensitive information from unauthorized access and breaches.

14. The fourteenth part of the document concludes by summarizing the key findings and recommendations. It stresses the importance of ongoing monitoring and evaluation to ensure that data management practices remain effective and aligned with the organization's goals.

15. The fifteenth part of the document provides a final summary and emphasizes the need for continued commitment to data management excellence.

Appendix

The following table provides a summary of the key data points discussed in the report. It includes information on data quality, security, and governance metrics.

Table 1: Summary of Key Data Points

Table 2: Summary of Key Data Points

Table 3: Summary of Key Data Points

Table 4: Summary of Key Data Points

Table 5: Summary of Key Data Points

trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân Thành phố về sự cố theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định này.

4. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này); định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ THI CÔNG XÂY DỰNG, QUẢN LÝ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH

Điều 14. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Thực hiện các nội dung quản lý thi công xây dựng công trình, trình tự quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 10, 11 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp dự án PPP thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 7 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6, điểm a khoản 7, khoản 8, điểm a khoản 9 Điều 7 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP trong các trường hợp: chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc giao nhiệm vụ cho ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực; chủ đầu tư thuê nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình; trường hợp áp dụng hình thức hợp đồng tổng thầu EPC hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay.

5. Quản lý khối lượng thi công xây dựng, quản lý tiến độ thi công xây dựng theo quy định tại Điều 17, 18 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

6. Được quyền tự thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình; thực hiện giám sát thi công xây dựng của tổng thầu; tổ chức giám sát đối với trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 6 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

7. Đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại khoản 5 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 12 của Quy định này hoặc các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

8. Nghiệm thu công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng thực kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 21 và Điều 22, 23, 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định. Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 3 của quy định này còn phải được các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Quy định này hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP). Đối với công trình thuộc dự án PPP, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là căn cứ để doanh nghiệp dự án PPP lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

9. Về trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được gửi tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại khoản 5 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 12 của Quy định này hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP để tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

10. Thực hiện lập và phê duyệt quy trình bảo trì, bàn giao tài liệu phục vụ bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy định này.

11. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

12. Bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

13. Thực hiện công tác bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 của Quy định này.

14. Thực hiện phá dỡ công trình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 của Quy định này.

15. Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Quy định này.

16. Khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố về máy, thiết bị thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 của Quyết định này.

17. Chủ đầu tư xây dựng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

18. Chi phí giám định xây dựng và trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 21 của Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của người lao động trong việc đảm bảo an toàn lao động trên công trường

1. Người lao động của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng khi hoạt động trên công trường phải tuân thủ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Người lao động nghiêm túc thực hiện các quy định về công tác an toàn lao động được quy định tại điểm b, c, d khoản 18 Điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình

1. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện giám sát tác giả trong thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Xem xét để xử lý khi có khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quy định này.

4. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy định này.

5. Có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thực hiện theo các nội dung giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1, 4, 5 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Quản lý khối lượng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes that proper record-keeping is essential for ensuring transparency and accountability in the organization's operations. This section also outlines the various methods and tools used to collect and analyze data, highlighting the need for consistency and reliability in the information gathered.

The second part of the document focuses on the implementation of these practices across different departments and levels of the organization. It provides detailed instructions on how to set up the necessary systems and procedures, ensuring that everyone involved understands their role in the process. This section also addresses potential challenges and offers solutions to overcome them, ensuring a smooth transition to the new system.

The third part of the document discusses the ongoing monitoring and evaluation of the implemented practices. It explains how to track progress, identify areas for improvement, and adjust the system as needed. This section also highlights the importance of regular communication and collaboration between all stakeholders to ensure the system remains effective and relevant over time.

The final part of the document provides a summary of the key findings and conclusions. It reiterates the importance of the implemented practices and offers recommendations for future actions. This section also includes a list of references and a glossary of terms used throughout the document.

3. Quản lý tiến độ thi công xây dựng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Đối với các công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công thì nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 7 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Trường hợp chủ đầu tư được quyền tự thực hiện giám sát thi công xây dựng và trường hợp áp dụng loại hợp đồng tổng thầu EPC hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay, thì trách nhiệm thực hiện giám sát thi công xây dựng và năng lực của tổ chức thực hiện giám sát được quy định tại khoản 3, 4 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

6. Trường hợp chủ đầu tư, tổng thầu EPC, tổng thầu theo hình thức chìa khóa trao tay tự thực hiện đồng thời việc giám sát và thi công xây dựng công trình thì chủ đầu tư, tổng thầu thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Quản lý khối lượng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Quản lý tiến độ thi công xây dựng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Tổng thầu có trách nhiệm thực hiện giám sát thi công xây dựng trong trường hợp áp dụng loại hợp đồng tổng thầu EPC hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Nghiệm thu công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 21 và Điều 22, 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

6. Điều kiện năng lực của nhà thầu; phân định trách nhiệm của các nhà thầu (trường hợp áp dụng hình thức liên danh các nhà thầu); trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng, giám sát thi công xây dựng của tổng thầu EPC được quy định theo khoản 2, 3, 4 Điều 7 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

7. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng được quy định tại Điều 23 của Quy định này

8. Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Quy định này.

9. Quản lý, sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật an toàn

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

và thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn. Khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố về máy, thiết bị thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 của Quyết định này.

Điều 19. Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế; bên giao thầu

1. Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế; trách nhiệm của bên giao thầu (bên mua); hồ sơ quản lý chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 12 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện trách nhiệm bảo hành phần công việc do mình thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy định này.

3. Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình

1. Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân có năng lực theo quy định của pháp luật. Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình là các hoạt động đo lường được quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình và nhà thầu thi công tổ chức thực hiện các hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình trong quá trình thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 4 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 21. Trách nhiệm của nhà thầu thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình; giám định xây dựng

1. Nhà thầu thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về chất lượng và an toàn đối với công việc do mình thực hiện.

2. Thí nghiệm đối chứng trong quá trình thi công xây dựng được thực hiện trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình được thực hiện trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes that this is essential for ensuring transparency and accountability in the organization's operations.

2. The second part of the document outlines the various methods and tools used to collect and analyze data. It highlights the need for a systematic approach to data collection and the importance of using reliable and valid measurement instruments.

3. The third part of the document discusses the ethical considerations that must be taken into account when conducting research. It stresses the importance of obtaining informed consent from participants and ensuring that their privacy and confidentiality are protected throughout the study.

4. The fourth part of the document describes the various methods used to analyze and interpret the data. It discusses both qualitative and quantitative approaches and the importance of using appropriate statistical techniques to draw valid conclusions from the data.

5. The fifth part of the document discusses the importance of reporting the results of the research in a clear and concise manner. It emphasizes the need to provide a detailed and accurate account of the methods used, the data collected, and the conclusions drawn.

6. The sixth part of the document discusses the various ways in which research findings can be used to inform practice and policy. It highlights the importance of communicating the results of the research to a wide range of stakeholders and the need to ensure that the findings are applied in a responsible and effective manner.

7. The seventh part of the document discusses the various challenges that researchers may face when conducting research. It highlights the importance of being prepared to overcome these challenges and the need to maintain a high level of integrity and ethical standards throughout the research process.

8. The eighth part of the document discusses the various ways in which research can contribute to the advancement of knowledge and the improvement of practice. It emphasizes the importance of conducting research that is both rigorous and relevant to the needs of the organization and the wider community.

9. The ninth part of the document discusses the various ways in which research can be used to evaluate the effectiveness of programs and interventions. It highlights the importance of using a variety of methods and tools to assess the impact of these programs and the need to ensure that the evaluation is both rigorous and unbiased.

10. The tenth part of the document discusses the various ways in which research can be used to inform the development of new programs and interventions. It emphasizes the importance of conducting research that is both innovative and practical and the need to ensure that the findings are applied in a responsible and effective manner.

4. Nội dung, chi phí kiểm định xây dựng được quy định tại khoản 3, 4 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Giám định xây dựng.

a) Nội dung giám định xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức giám định đối với các công trình cấp I, II trên địa bàn; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định đối với các công trình còn lại trên địa bàn, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Các Sở quản lý công trình chuyên ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố giám định xây dựng công trình cấp I, II đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Quy định này; Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giám định xây dựng đối với các công trình còn lại trên địa bàn quản lý;

c) Chi phí giám định xây dựng và trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định được quy định tại khoản 3, 4 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình

1. Thực hiện tác bảo trì công trình xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy định này.

2. Thực hiện công tác đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy định này.

3. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 của Quy định này.

4. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế theo quy định tại điểm b, d, đ khoản 2 Điều 26 của Quy định này.

5. Thực hiện phá dỡ công trình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 của Quy định này.

6. Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Quy định này.

7. Chi phí giám định xây dựng và trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 21 của Quy định này.

Chương V

TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH, BẢO TRÌ, PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 23. Trách nhiệm trong công tác bảo hành công trình xây dựng

1. Thời hạn bảo hành

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes that this is crucial for ensuring transparency and accountability in the organization's operations.

2. The second part of the document outlines the various methods and tools used to collect and analyze data. It highlights the need for consistent and reliable data collection processes to support effective decision-making.

3. The third part of the document focuses on the role of technology in data management and analysis. It discusses how modern software solutions can streamline data collection, storage, and reporting, thereby improving efficiency and accuracy.

4. The fourth part of the document addresses the challenges associated with data security and privacy. It provides guidance on implementing robust security measures to protect sensitive information from unauthorized access and breaches.

5. The fifth part of the document discusses the importance of data quality and integrity. It outlines strategies for identifying and addressing data errors, ensuring that the information used for analysis is accurate and reliable.

6. The sixth part of the document explores the role of data in strategic planning and performance management. It explains how data-driven insights can help organizations identify trends, set goals, and track progress over time.

7. The seventh part of the document discusses the importance of data literacy and training. It emphasizes that all employees should have a basic understanding of data and be able to interpret and use it effectively in their work.

8. The eighth part of the document addresses the ethical considerations of data collection and use. It discusses the need for transparency, informed consent, and the protection of individual privacy rights.

9. The ninth part of the document discusses the importance of data governance and policy. It outlines the need for clear roles, responsibilities, and processes to ensure that data is managed consistently and in compliance with relevant regulations.

10. The tenth part of the document discusses the future of data and its potential impact on various industries. It highlights emerging trends such as artificial intelligence, big data, and the Internet of Things, and how they will shape the data landscape.

11. The eleventh part of the document discusses the importance of data in customer relationship management. It explains how data can be used to understand customer behavior, personalize marketing efforts, and improve the overall customer experience.

12. The twelfth part of the document discusses the importance of data in supply chain management. It explains how data can be used to optimize inventory levels, improve logistics, and reduce costs throughout the supply chain.

13. The thirteenth part of the document discusses the importance of data in human resources management. It explains how data can be used to attract and retain top talent, improve employee performance, and reduce turnover.

14. The fourteenth part of the document discusses the importance of data in financial management. It explains how data can be used to analyze financial performance, identify trends, and make informed investment decisions.

15. The fifteenth part of the document discusses the importance of data in risk management. It explains how data can be used to identify potential risks, assess their impact, and develop strategies to mitigate them.

16. The sixteenth part of the document discusses the importance of data in environmental management. It explains how data can be used to monitor environmental performance, identify areas for improvement, and reduce the organization's carbon footprint.

17. The seventeenth part of the document discusses the importance of data in social media management. It explains how data can be used to understand audience behavior, track engagement, and optimize social media strategies.

18. The eighteenth part of the document discusses the importance of data in project management. It explains how data can be used to track project progress, identify bottlenecks, and ensure that projects are completed on time and within budget.

19. The nineteenth part of the document discusses the importance of data in quality management. It explains how data can be used to identify quality issues, track performance, and implement corrective actions to improve the quality of products and services.

20. The twentieth part of the document discusses the importance of data in compliance management. It explains how data can be used to monitor compliance with regulations, identify areas of non-compliance, and take corrective actions to avoid penalties.

21. The twenty-first part of the document discusses the importance of data in legal management. It explains how data can be used to manage legal risks, track litigation, and ensure that the organization is in compliance with all applicable laws and regulations.

22. The twenty-second part of the document discusses the importance of data in intellectual property management. It explains how data can be used to track intellectual property assets, manage patents, and protect the organization's competitive advantage.

23. The twenty-third part of the document discusses the importance of data in crisis management. It explains how data can be used to identify potential crisis situations, develop response plans, and coordinate communication during a crisis.

24. The twenty-fourth part of the document discusses the importance of data in reputation management. It explains how data can be used to monitor the organization's reputation, identify negative sentiment, and take actions to improve its public image.

25. The twenty-fifth part of the document discusses the importance of data in brand management. It explains how data can be used to understand brand perception, track brand equity, and develop strategies to strengthen the brand.

26. The twenty-sixth part of the document discusses the importance of data in marketing management. It explains how data can be used to identify marketing opportunities, track campaign performance, and optimize marketing spend.

27. The twenty-seventh part of the document discusses the importance of data in sales management. It explains how data can be used to identify sales opportunities, track sales performance, and optimize sales processes.

28. The twenty-eighth part of the document discusses the importance of data in customer service management. It explains how data can be used to understand customer needs, track service quality, and improve the overall customer experience.

29. The twenty-ninth part of the document discusses the importance of data in operations management. It explains how data can be used to optimize operational processes, reduce waste, and improve efficiency.

30. The thirtieth part of the document discusses the importance of data in procurement management. It explains how data can be used to identify procurement opportunities, track supplier performance, and optimize procurement costs.

31. The thirty-first part of the document discusses the importance of data in human capital management. It explains how data can be used to attract and retain top talent, improve employee performance, and reduce turnover.

32. The thirty-second part of the document discusses the importance of data in organizational development. It explains how data can be used to identify organizational strengths and weaknesses, develop strategies for improvement, and ensure the organization's long-term success.

a) Thời hạn bảo hành đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp được tính kể từ khi chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định được quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Thời hạn bảo hành đối với các thiết bị công trình, thiết bị công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công, công trình sử dụng vốn khác mức tiền bảo hành tối thiểu được quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Chủ đầu tư, nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị có trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành công trình theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 24. Trách nhiệm trong công tác bảo trì công trình xây dựng

1. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng

a) Tổ chức thực hiện theo trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điều 30 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Lập và phê duyệt và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì công trình xây dựng, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng, tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng, quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình xây dựng, chi phí bảo trì công trình xây dựng được quy định từ Điều 32 đến Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

d) Thực hiện điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Bàn giao các tài liệu phục vụ bảo trì công trình xây dựng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng, bộ phận công trình cùng với hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị vào công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình.

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes the need for transparency and accountability in financial reporting.

Secondly, it highlights the role of internal controls in preventing fraud and ensuring the integrity of the financial statements. The document suggests implementing robust internal control systems to minimize the risk of errors and misstatements.

Furthermore, the document addresses the significance of timely and accurate information for decision-making. It stresses that management should have access to reliable data to make informed choices and strategic decisions.

In addition, it discusses the importance of communication and collaboration between different departments. The document suggests that effective communication is essential for ensuring that all stakeholders are aligned and working towards common goals.

Finally, the document concludes by emphasizing the need for continuous improvement and monitoring. It suggests that organizations should regularly review their financial reporting processes and make necessary adjustments to stay up-to-date with changing requirements and best practices.

The document also mentions the importance of staying informed about the latest developments in financial reporting standards and regulations. It suggests that organizations should invest in training and professional development for their staff to ensure they are equipped with the necessary skills and knowledge.

Overall, the document provides a comprehensive overview of the key factors that contribute to effective financial reporting. It offers practical advice and suggestions for organizations looking to improve their financial reporting practices and enhance their overall financial performance.

The document also discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes the need for transparency and accountability in financial reporting.

Secondly, it highlights the role of internal controls in preventing fraud and ensuring the integrity of the financial statements. The document suggests implementing robust internal control systems to minimize the risk of errors and misstatements.

Furthermore, the document addresses the significance of timely and accurate information for decision-making. It stresses that management should have access to reliable data to make informed choices and strategic decisions.

In addition, it discusses the importance of communication and collaboration between different departments. The document suggests that effective communication is essential for ensuring that all stakeholders are aligned and working towards common goals.

Finally, the document concludes by emphasizing the need for continuous improvement and monitoring. It suggests that organizations should regularly review their financial reporting processes and make necessary adjustments to stay up-to-date with changing requirements and best practices.

Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình

1. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình

a) Tổ chức đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Xác nhận kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Trường hợp kết quả đánh giá cho thấy công trình không đảm bảo điều kiện an toàn có trách nhiệm thực hiện theo điểm c khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá an toàn công trình

a) Thực hiện đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Nội dung đánh giá an toàn công trình được quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức rà soát các công trình thuộc đối tượng đánh giá an toàn công trình trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giao các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc tiếp nhận, xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đến chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc danh mục các công trình phải được đánh giá an toàn công trình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

Điều 26. Trách nhiệm xử lý công trình có dấu hiệu nguy hiểm, công trình hết thời hạn sử dụng, phá dỡ công trình xây dựng

1. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

a) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế

a) Các trường hợp không tiếp tục sử dụng đối với công trình hết thời hạn sử dụng được quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that every entry should be supported by a valid receipt or invoice. This ensures transparency and allows for easy verification of the data.

Additionally, it is noted that regular audits are essential to identify any discrepancies or errors early on. This proactive approach helps in maintaining the integrity of the financial statements and prevents any potential issues from escalating.

The second section focuses on the role of technology in modern accounting. It highlights how software solutions can streamline the process, reduce manual errors, and provide real-time insights into the company's financial health.

Furthermore, the document stresses the need for continuous education and training for the accounting staff. As the industry evolves, staying updated on the latest regulations and software updates is crucial for maintaining compliance and efficiency.

In conclusion, the document serves as a comprehensive guide for anyone involved in financial management. It provides clear instructions and best practices to ensure that all financial activities are properly documented and reported.

The final part of the document includes a checklist of key tasks to be completed by the end of each quarter. This checklist covers everything from reconciling bank statements to preparing the quarterly financial reports.

By following the guidelines outlined in this document, you can ensure that your financial records are accurate, up-to-date, and compliant with all relevant regulations. This will not only help you in managing your business more effectively but also in providing a clear picture of your financial performance to stakeholders.

We encourage you to take the time to review this document carefully and implement the recommended practices. Your attention to detail in financial reporting is the key to the long-term success of your organization.

Thank you for your commitment to excellence in financial management.

b) Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình xác định thời hạn sử dụng công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình. Đối với công trình có ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng, trong thời hạn tối thiểu 12 tháng trước khi công trình hết thời hạn sử dụng, Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về thời điểm hết thời hạn sử dụng công trình và dự kiến phương án xử lý đối với công trình sau khi hết hạn sử dụng.

c) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm rà soát các công trình xây dựng không đủ cơ sở để xác định được thời hạn sử dụng; tổ chức thực hiện việc xác định thời hạn sử dụng, công bố công trình hết thời hạn sử dụng; thông báo về việc dừng sử dụng và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm phá dỡ công trình theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Đối với công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ đối tượng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân) chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm a, b, d khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm xem xét và cho ý kiến việc kéo dài thời gian sử dụng của công trình theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

đ) Đối với nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình cá nhân hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Phá dỡ công trình

a) Các tình huống phá dỡ công trình xây dựng, phương án, giải pháp phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm quyết định việc phá dỡ công trình; quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng được quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện phá dỡ công trình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Người được giao quản lý, thực hiện phá dỡ khẩn cấp công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions.

2. It is essential to ensure that all entries are supported by appropriate documentation.

3. Regular audits should be conducted to verify the accuracy of the records.

4. The second part of the document outlines the procedures for handling discrepancies.

5. Any errors identified during the audit process should be promptly investigated.

6. The findings of the audit should be reported to the appropriate authorities.

7. The third part of the document provides a detailed description of the accounting system.

8. This system is designed to streamline the accounting process and reduce the risk of errors.

9. The system includes a comprehensive set of controls and checks.

10. The fourth part of the document discusses the role of the accounting department.

11. The department is responsible for providing accurate financial information to management.

12. It also plays a key role in identifying areas for cost reduction and efficiency.

13. The fifth part of the document outlines the responsibilities of the accounting staff.

14. Each staff member should be clearly defined in terms of their specific duties.

15. The sixth part of the document discusses the importance of communication.

16. Effective communication is essential for the success of the accounting department.

17. The seventh part of the document provides a summary of the key points.

18. The eighth part of the document discusses the importance of training.

19. Regular training is essential to ensure that the accounting staff is up-to-date.

20. The ninth part of the document outlines the procedures for handling disputes.

21. Any disputes should be resolved through a fair and equitable process.

22. The tenth part of the document discusses the importance of ethics.

23. High ethical standards are essential for the accounting profession.

24. The eleventh part of the document outlines the procedures for handling complaints.

25. Any complaints should be handled promptly and effectively.

26. The twelfth part of the document discusses the importance of transparency.

27. Transparency is essential for building trust and confidence.

28. The thirteenth part of the document outlines the procedures for handling requests.

29. All requests should be handled in a timely and professional manner.

30. The fourteenth part of the document discusses the importance of collaboration.

31. Collaboration is essential for achieving the organization's goals.

32. The fifteenth part of the document outlines the procedures for handling feedback.

33. Feedback should be used to improve the accounting process.

34. The sixteenth part of the document provides a final summary.

35. The seventeenth part of the document discusses the importance of innovation.

36. Innovation is essential for staying competitive in a rapidly changing market.

37. The eighteenth part of the document outlines the procedures for handling risks.

38. All risks should be identified and managed proactively.

39. The nineteenth part of the document discusses the importance of sustainability.

40. Sustainability is essential for long-term success.

41. The twentieth part of the document outlines the procedures for handling emergencies.

42. All emergencies should be handled according to the established protocols.

43. The twenty-first part of the document discusses the importance of compliance.

44. Compliance with all applicable laws and regulations is essential.

45. The twenty-second part of the document outlines the procedures for handling audits.

46. All audits should be conducted in a transparent and professional manner.

47. The twenty-third part of the document discusses the importance of reporting.

48. Accurate and timely reporting is essential for decision-making.

49. The twenty-fourth part of the document outlines the procedures for handling changes.

50. All changes should be implemented in a controlled and documented manner.

51. The twenty-fifth part of the document provides a final conclusion.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT SỰ CỐ TRONG THI CÔNG VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH

Điều 27. Phân cấp sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; giải quyết sự cố công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng

1. Phân cấp sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng được quy định tại Điều 43, 44 và Điều 47 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm giải quyết sự cố công trình xây dựng.

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết sự cố công trình cấp I; Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết sự cố công trình cấp II, III trên địa bàn quản lý. Giải quyết sự cố công trình xây dựng được quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm giám định sự cố công trình xây dựng

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố giám định nguyên nhân sự cố công trình cấp I đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Quy định này; Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giám định sự cố công trình cấp II, III trên địa bàn quản lý;

b) Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố, chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng được quy định tại khoản 3, 4 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 28. Sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố về máy, thiết bị; điều tra sự cố về máy, thiết bị; lập hồ sơ sự cố về máy, thiết bị

1. Các trường hợp sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình được quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm khai báo, báo cáo và phân cấp giải quyết sự cố về máy, thiết bị.

a) Khi xảy ra sự cố về máy, thiết bị chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7 Điều 49, khoản 4, 5 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; lập hồ sơ xử lý sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Các Sở quản lý công trình chuyên ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that proper record-keeping is essential for the integrity of the financial system and for the ability to detect and prevent fraud.

2. The second part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data. It describes the use of statistical techniques to identify trends and anomalies in the data, and the importance of using reliable sources of information.

3. The third part of the document discusses the role of the auditor in the process. It explains that the auditor's primary responsibility is to provide an independent and objective assessment of the financial statements, and to ensure that they are prepared in accordance with the applicable accounting standards.

4. The fourth part of the document discusses the importance of communication in the auditing process. It explains that the auditor must maintain open and effective communication with the client, and must be able to clearly and concisely communicate the results of the audit.

5. The fifth part of the document discusses the various risks associated with auditing. It explains that the auditor must be aware of the risks of litigation, and must take steps to minimize these risks. It also discusses the risks of reputational damage, and the importance of maintaining a high level of professional integrity.

6. The sixth part of the document discusses the various ethical considerations that the auditor must take into account. It explains that the auditor must be objective and impartial, and must not be influenced by the interests of the client or any other party. It also discusses the importance of confidentiality, and the need to protect the client's information.

7. The seventh part of the document discusses the various challenges that the auditor may face. It explains that the auditor may face pressure from the client to manipulate the financial statements, and may face resistance from management. It also discusses the challenges of dealing with complex and rapidly changing business environments.

8. The eighth part of the document discusses the various tools and techniques used by the auditor. It explains that the auditor may use a variety of methods to gather evidence, including interviews, observations, and the review of documents. It also discusses the use of computer-aided auditing techniques.

9. The ninth part of the document discusses the various reporting requirements that the auditor must comply with. It explains that the auditor must prepare an audit report that provides a clear and concise summary of the results of the audit, and that must be signed and dated by the auditor.

10. The tenth part of the document discusses the various professional standards that the auditor must adhere to. It explains that the auditor must be a member of a professional body, and must comply with the standards of that body. It also discusses the importance of continuing education, and the need to stay up-to-date on the latest developments in the field.

11. The eleventh part of the document discusses the various factors that can affect the quality of the audit. It explains that the quality of the audit can be affected by the competence and integrity of the auditor, the quality of the client's records, and the complexity of the business. It also discusses the importance of maintaining a high level of professional skepticism.

12. The twelfth part of the document discusses the various ways in which the auditor can add value to the client. It explains that the auditor can provide valuable insights into the client's financial performance, and can help the client to identify areas for improvement. It also discusses the importance of providing clear and concise communication to the client.

13. The thirteenth part of the document discusses the various ways in which the auditor can stay up-to-date on the latest developments in the field. It explains that the auditor can attend conferences and seminars, and can participate in continuing education programs. It also discusses the importance of staying up-to-date on the latest accounting standards and regulations.

14. The fourteenth part of the document discusses the various ways in which the auditor can maintain a high level of professional integrity. It explains that the auditor must be objective and impartial, and must not be influenced by the interests of the client or any other party. It also discusses the importance of maintaining a high level of confidentiality, and the need to protect the client's information.

15. The fifteenth part of the document discusses the various ways in which the auditor can manage risk. It explains that the auditor must be aware of the risks of litigation, and must take steps to minimize these risks. It also discusses the risks of reputational damage, and the importance of maintaining a high level of professional integrity.

16. The sixteenth part of the document discusses the various ways in which the auditor can improve the quality of the audit. It explains that the auditor can use a variety of methods to gather evidence, including interviews, observations, and the review of documents. It also discusses the use of computer-aided auditing techniques.

17. The seventeenth part of the document discusses the various ways in which the auditor can stay up-to-date on the latest developments in the field. It explains that the auditor can attend conferences and seminars, and can participate in continuing education programs. It also discusses the importance of staying up-to-date on the latest accounting standards and regulations.

18. The eighteenth part of the document discusses the various ways in which the auditor can maintain a high level of professional integrity. It explains that the auditor must be objective and impartial, and must not be influenced by the interests of the client or any other party. It also discusses the importance of maintaining a high level of confidentiality, and the need to protect the client's information.

19. The nineteenth part of the document discusses the various ways in which the auditor can add value to the client. It explains that the auditor can provide valuable insights into the client's financial performance, and can help the client to identify areas for improvement. It also discusses the importance of providing clear and concise communication to the client.

20. The twentieth part of the document discusses the various ways in which the auditor can manage risk. It explains that the auditor must be aware of the risks of litigation, and must take steps to minimize these risks. It also discusses the risks of reputational damage, and the importance of maintaining a high level of professional integrity.

21. The twenty-first part of the document discusses the various ways in which the auditor can improve the quality of the audit. It explains that the auditor can use a variety of methods to gather evidence, including interviews, observations, and the review of documents. It also discusses the use of computer-aided auditing techniques.

2, 3 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Quy định này, trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản chuyên tiếp

1. Cấp công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư trước ngày 26/01/2021 được xác định theo quy định theo khoản 1 Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng khởi công trước ngày 26/01/2021 thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì không tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này và báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chuyên môn theo phân cấp quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 12 của Quy định này và điểm a, b, d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Công trình khởi công trước ngày 26/01/2021 thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này.

4. Phân cấp công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị) khởi công công trình trước ngày Quyết định này có hiệu lực và đang thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thì tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này; công trình khởi công sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì Sở Xây dựng thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này.

6. Đối với công trình công nghiệp trong khu công nghiệp và chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội khởi công công trình trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì sở Công Thương tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác

nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này; công trình khởi công sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì Ban Quản lý Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ngành; Xây dựng; Công Thương; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ đầu tư; nhà đầu tư; các nhà thầu trong nước và nước ngoài; cơ quan ký kết hợp đồng và cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án PPP; các cơ quan cấp phát, thanh toán; chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước và Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I

(kèm theo Quy định Trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 33 /2021/QĐ-UBND ngày 31 / 12 /2021 của UBND thành phố Hà Nội)

UBND cấp xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.... tháng... năm 202...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 15/6 và 15 /11 hàng năm)

Kính gửi: Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện ...

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 13 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số/2021/QĐ-UBND của Ủy ban dân dân Thành phố, Ủy ban dân dân cấp xã báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng như sau:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư	Tên Chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp Quyết định đầu tư	Cấp công trình/Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Giấy phép xây dựng số	Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình	Tên nhà thầu tư vấn thiết kế	Tên nhà thầu TVGS	Tên nhà thầu thi công XD	Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
1										
...										

CHỦ TỊCH
(Ký tên , đóng dấu)

YH QH